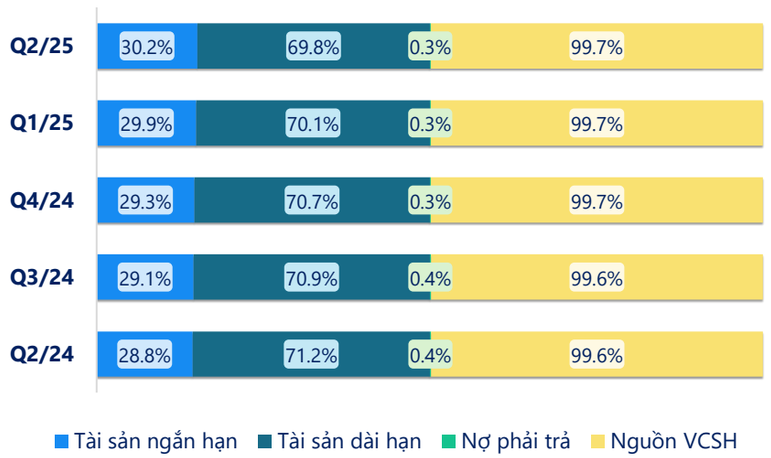
CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền (HSX: HAR)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,290
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,480
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,830
SL cổ phiếu LH	95,684,090
KLGD BQ 20 phiên (CP)	195,055
% sở hữu nước ngoài	3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	315
P/E	21.5
EPS	153

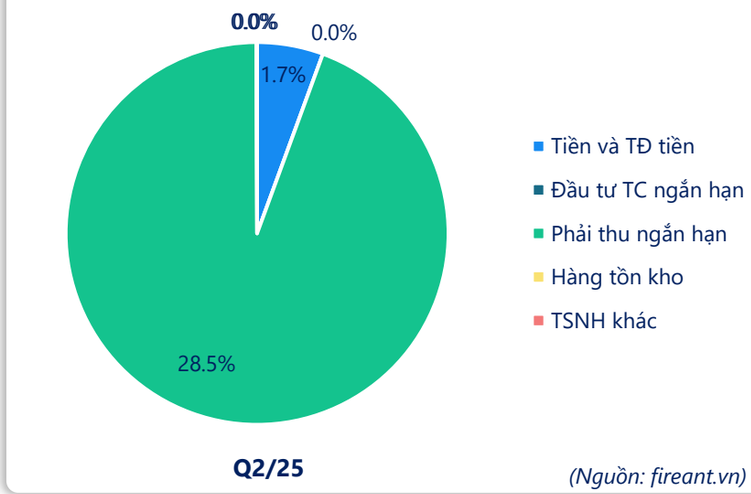
	YTD	1T	3T	6T
HAR	-1.8%	0.6%	-7.3%	-3.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



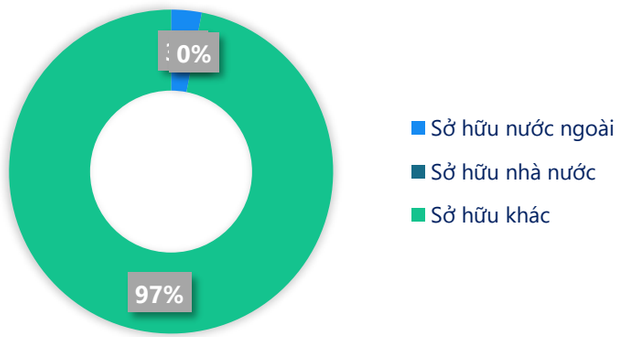
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



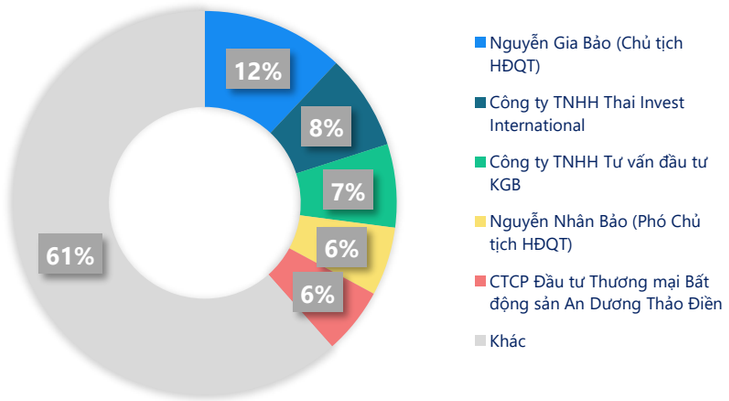
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



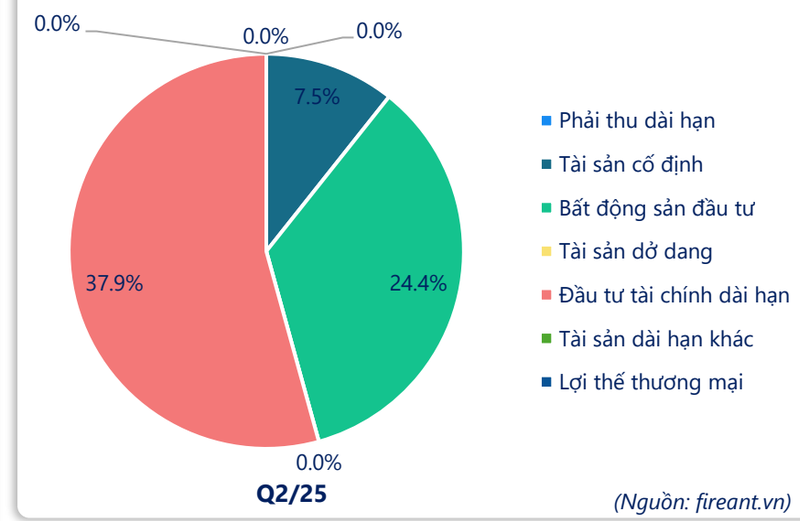
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

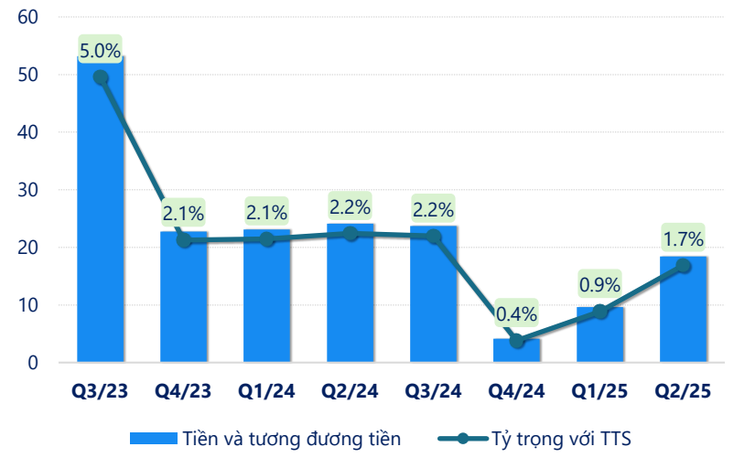


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

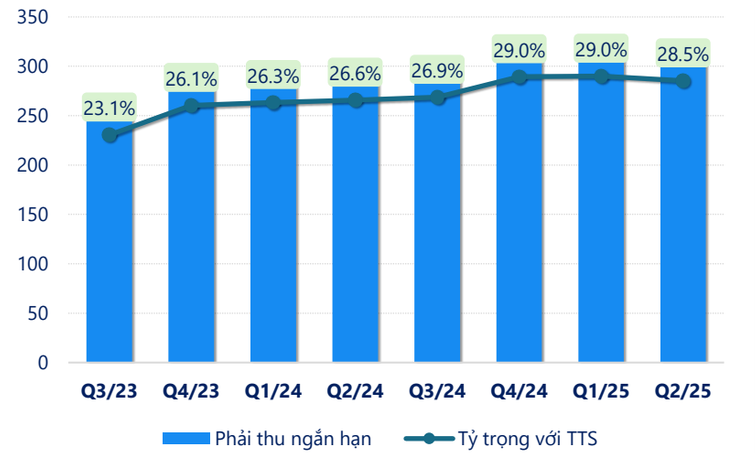
CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền (HSX: HAR)

Tiền và tương đương tiền



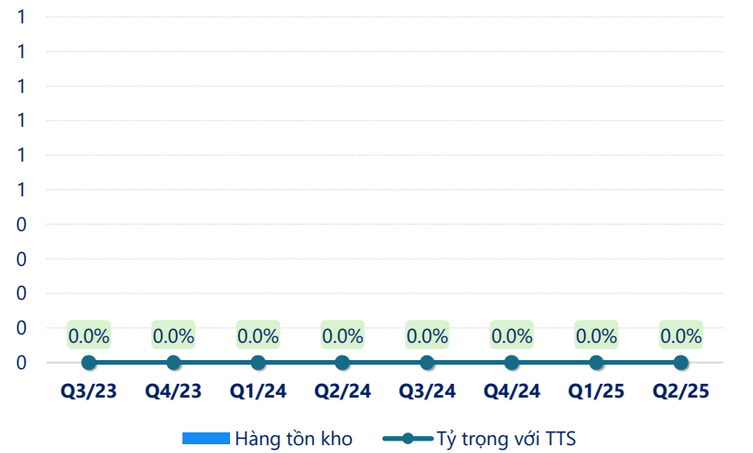
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



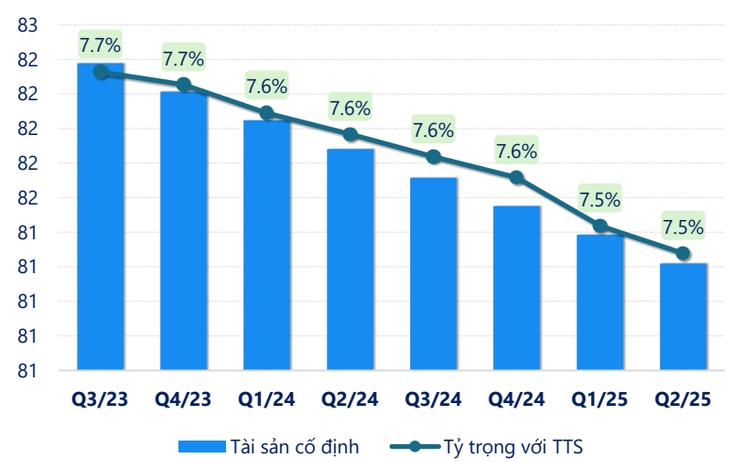
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



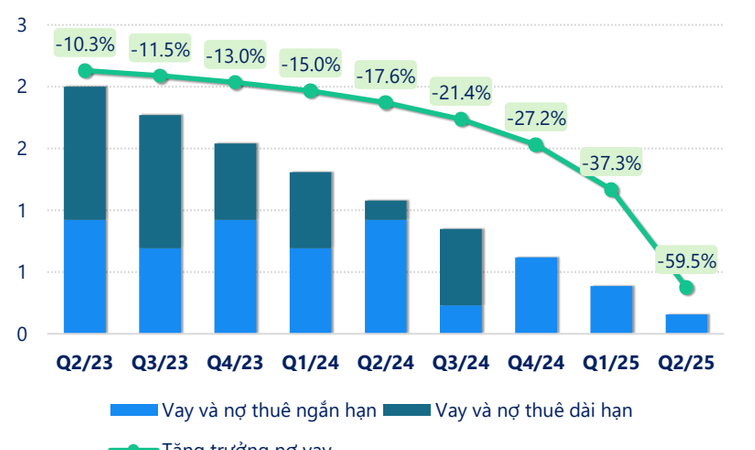
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



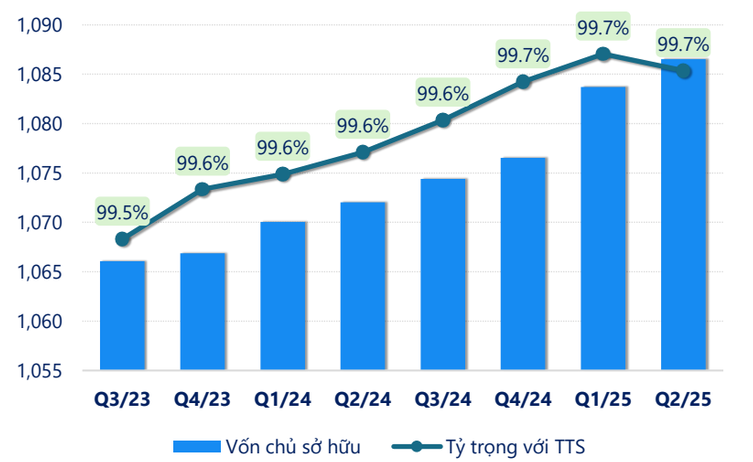
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

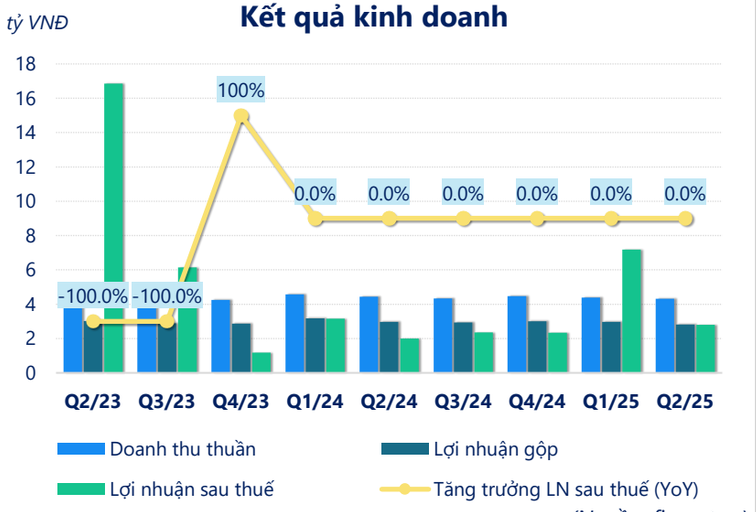


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

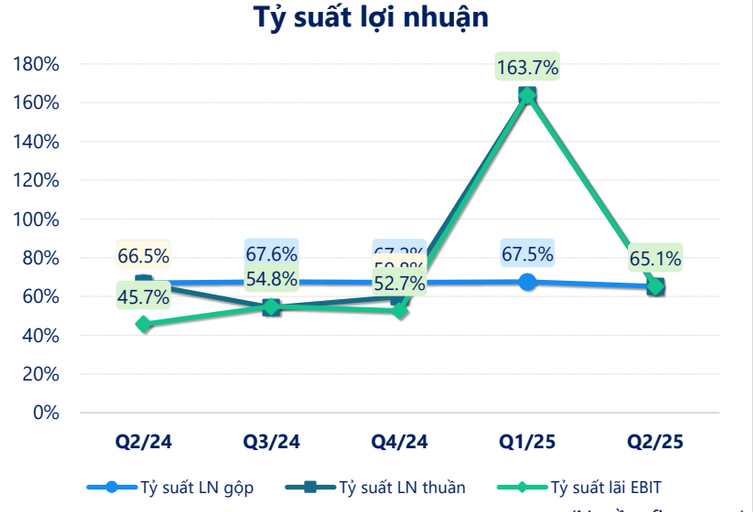
CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền (HSX: HAR)

Kết quả kinh doanh



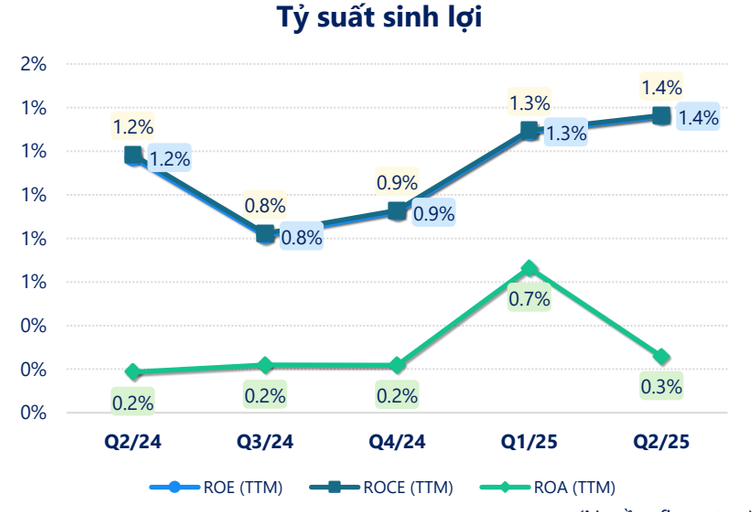
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



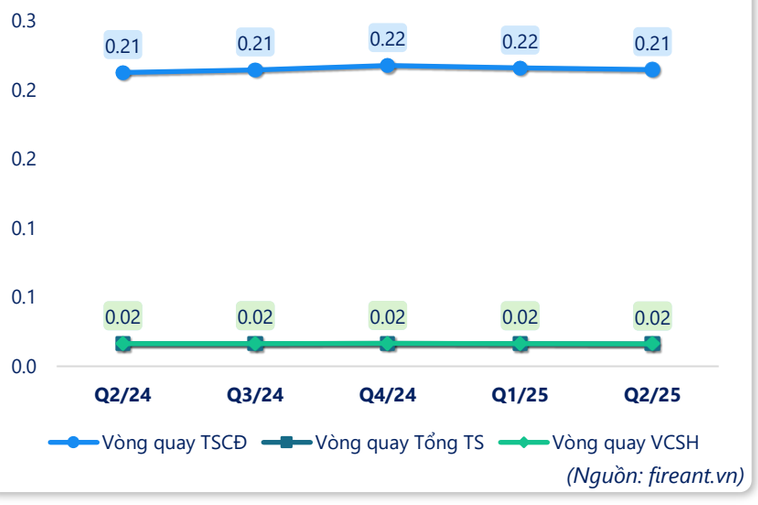
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



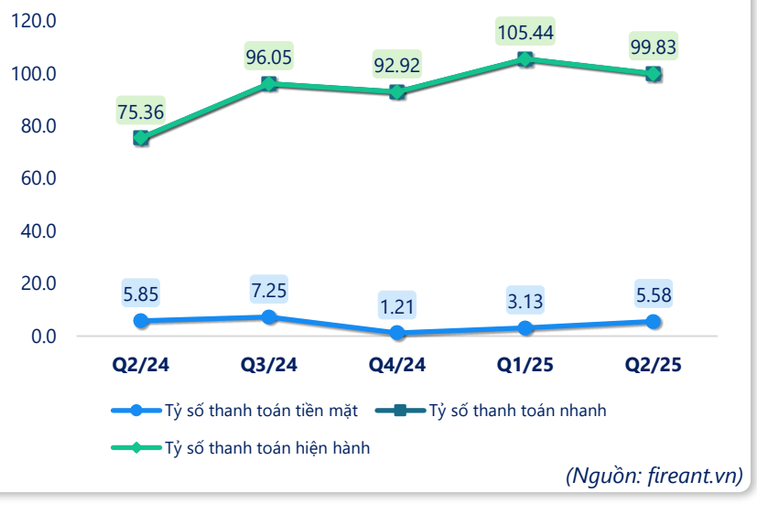
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



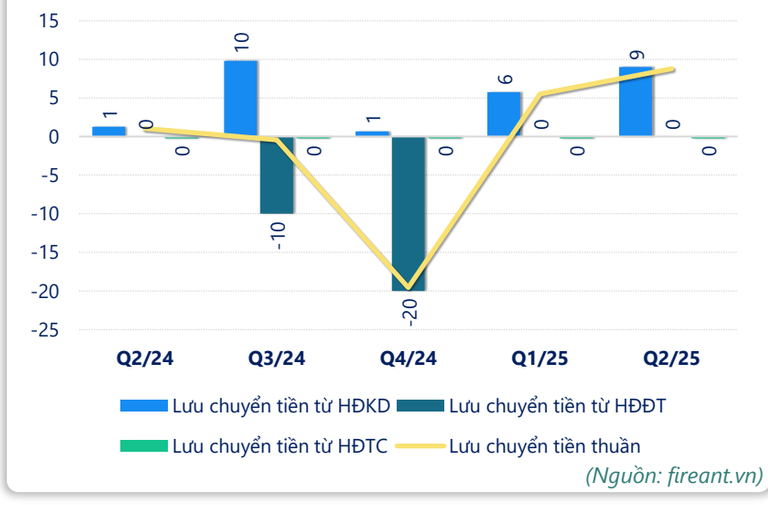
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền (HSX: HAR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,090**	**1,080**	**0.9%**
Tài sản ngắn hạn	330	317	4.0%
Tiền và tương đương tiền	18.4	4.13	346%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	311	313	-0.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.16	0.15	5.3%
Tài sản dài hạn	**760**	**763**	**-0.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	81.2	81.6	-0.4%
Bất động sản đầu tư	266	268	-0.8%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	413	413	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.30	3.41	-3.2%
Nợ ngắn hạn	**3.30**	**3.41**	**-3.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.16	0.62	-74.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.75	0.75	-0.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,087**	**1,077**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,087**	**1,077**	**0.9%**
Vốn điều lệ	1,014	1,014	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	4.44	4.33	4.47	4.39	4.31
Giá vốn hàng bán	1.47	1.40	1.47	1.42	1.50
Lợi nhuận gộp	2.97	2.93	3.01	2.96	2.81
Doanh thu HĐTC	1.00	0.23	1.06	1.38	1.40
Chi phí TC	0.19	0.02	0.39	-3.70	3.99
Chi phí lãi vay	0.03	0.02	0.01	0.01	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.82	0.79	1.00	0.85	-2.58
LN thuần từ HĐKD	2.95	2.35	2.68	7.20	2.80
Lợi nhuận khác	-0.95	0.00	-0.34	-0.02	0.00
LN trước thuế	2.00	2.36	2.34	7.18	2.80
Lợi nhuận sau thuế	2.00	2.36	2.34	7.18	2.80
LNST của CĐ cty mẹ	2.00	2.36	2.34	7.18	2.80

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.27	9.80	0.67	5.74	9.01
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-10.0	-20.0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.23	-0.23	-0.23	-0.23	-0.23
Tiền đầu kỳ	23.1	24.1	23.7	4.13	9.64
Lưu chuyển tiền thuần	**1.04**	**-0.43**	**-19.6**	**5.51**	**8.78**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.1	23.7	4.13	9.64	18.4

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic